

- GV yêu cầu kể tên 1 số vật nóng và lạnh thường gặp hàng ngày?

HS: Làm việc cá nhân rồi trình bày trước lớp.

-Cốc a nóng hơn cốc nào và lạnh hơn cốc nào, vì sao em biết?

- Quan sát H1 và trả lời câu hỏi trang 100 SGK.

- Cốc a nóng hơn cốc c và lạnh hơn cốc b vì cốc a là cốc nước nguội, cốc b là cốc nước nóng, cốc c là cốc nước đá.

### **3.Hoạt động 2: Thực hành sử dụng nhiệt kế.**

- GV giới thiệu 2 loại nhiệt kế, mô tả sơ lược cấu tạo nhiệt kế và hướng dẫn cách đọc.

HS: Nghe sau đó lên thực hành đọc nhiệt kế.

- Cho HS thực hành đo nhiệt kế.

HS: Sử dụng nhiệt kế để đo nhiệt độ tới 100<sup>0</sup>C, đo nhiệt độ của các cốc nước, sử dụng nhiệt kế y tế đo nhiệt độ của cơ thể.

- GV có thể cho HS làm thí nghiệm như SGK.

HS: Tiến hành làm thí nghiệm và nêu kết quả.

=> Kết luận:

Nói chung cảm giác của tay ta có thể giúp ta nhận biết đúng về sự nóng hơn, lạnh hơn. Tuy vậy cũng có trường hợp cảm giác làm cho ta bị lẫn. Do vậy để chính xác nhiệt độ của vật, người ta sử dụng nhiệt kế.

4.Củng cố , dặn dò:

- Nhận xét giờ học. Y/c HS về học bài và chuẩn bị bài sau.

Thứ năm ngày 12 tháng 2 năm 2015

**Buổi sáng:**

**Tập làm văn**

***Luyện tập xây dựng đoạn văn miêu tả cây cối***

**I.Mục tiêu:**

- Dựa trên những hiểu biết về đoạn văn trong bài văn miêu tả cây cối, HS luyện tập viết 1 số đoạn văn hoàn chỉnh. Câu đúng ngữ pháp, dùng từ hay, sinh động, chân thực, giàu hình ảnh.

**II.Các hoạt động:**

**A.Bài cũ:**

**B.Dạy bài mới:**

**1.Giới thiệu:**

## 2. Hướng dẫn HS làm bài tập:

+ Bài 1:

? Từng nội dung ý trên thuộc phần nào trong cấu tạo của bài văn tả cây cối

+ Bài 2: GV nêu yêu cầu bài tập và nhắc HS lưu ý:

\* 3-5 đoạn văn của bạn chưa hoàn chỉnh.

Các em giúp bạn hoàn chỉnh.

-Gọi HS đọc đoạn văn của mình. Chú ý sửa lỗi ngữ pháp, dùng từ cho HS.

- GV và cả lớp nhận xét.

- Chọn 2 - 3 bài đã viết hoàn chỉnh viết tốt cả 4 đoạn, đọc mẫu trước lớp, nhận xét, khen ngợi HS.

3. Củng cố, dặn dò:

- Nhận xét tiết học. Về nhà học bài, tập viết lại đoạn văn.

HS: Đọc dàn ý bài văn miêu tả cây chuối tiêu.

\*Đoạn 1: Giới thiệu cây chuối (mở bài).

\*Đoạn 2, 3: Tả bao quát, tả từng bộ phận của cây chuối tiêu (thân bài).

\*Đoạn 4: Lợi ích của cây chuối tiêu (kết luận).

-HS đọc y/c và nội dung.

-Lớp viết vở, 2 em viết bảng.

-Theo dõi, quan sát để sửa bài cho bạn.

## Âm nhạc

(Giáo viên chuyên ngành soạn - giảng)

## Toán

### *Tìm phân số của một số*

#### I. Mục tiêu:

- Giúp HS biết cách giải bài toán dạng “Tìm phân số của một số”.

#### II. Đồ dùng dạy học:

Bảng phụ vẽ hình minh họa SGK.

#### III. Các hoạt động dạy học chủ yếu:

##### A. Kiểm tra bài cũ:

Phát biểu tính chất giao hoán và tính chất kết hợp của phép nhân phân số.

##### B. Dạy bài mới:

###### *1. Giới thiệu:*

###### *2. Hướng dẫn cách tìm phân số của một số:*

a. GV nêu câu hỏi:

$\frac{1}{3}$  của 12 quả cam là mấy quả cam?

**b. GV nêu bài toán: 1 rổ cam có 12 quả. Hỏi  $\frac{2}{3}$  số cam trong rổ là bao nhiêu quả?**

**- Treo bảng phụ vẽ hình minh họa.**

-  $\frac{2}{3}$  số cam trong rổ như thế nào so với

$\frac{1}{3}$  số cam trong rổ?

- Nếu biết  $\frac{1}{3}$  số cam là bao nhiêu quả thì

làm thế nào để biết tiếp  $\frac{2}{3}$  số cam là bao nhiêu quả?

-  $\frac{1}{3}$  số cam trong rổ là bao nhiêu quả?

-  $\frac{2}{3}$  số cam trong rổ là bao nhiêu quả?

- Vậy  $\frac{2}{3}$  của 12 quả cam là bao nhiêu quả cam?

- Hãy điền dấu phép tính thích hợp vào

$$\text{chỗ chấm: } 12 \dots \frac{2}{3} = 8$$

- Muốn tính  $\frac{2}{3}$  của 12 ta làm thế nào?

**3. Thực hành:**

**+ Bài 1: Y/c HS tự làm bài.**

**- GV tóm tắt lên bảng.**

**- Cùng cả lớp NX, chữa bài.**

**+ Bài 2: Y/c HS tự làm bài.**

- 1 em nêu cách tính:

$$12 : 3 = 4 \text{ (quả)}$$

Vậy  $\frac{1}{3}$  của 12 quả cam là 4 quả.

- Đọc bài toán.

HS: Quan sát hình vẽ và trả lời:

-  $\frac{2}{3}$  gấp đôi  $\frac{1}{3}$

- Lấy  $\frac{1}{3}$  số cam nhân 2.

$$12 : 3 = 4 \text{ (quả)}$$

$$4 \times 2 = 8 \text{ (quả)}$$

8 quả.

$$12 \times \frac{2}{3} = 8$$

- Ta lấy 12 nhân với  $\frac{2}{3}$

**- Lớp làm vở, 1 em lên bảng giải.**

**Số HS xếp loại khá của lớp là:**

$$35 \times \frac{3}{5} = 21 \text{ (HS)}$$

**Đáp số: 21 HS.**

**- Đọc đề bài và tự làm bài.**

**- 1 em làm bảng, lớp làm vở.**

-Chữa bài và nhận xét.  
+ Bài 3: Tương tự.

- GV chữa bài cho HS.

4.Củng cố , dặn dò:

- Nhận xét giờ học. Y/c HS về làm bài tập và chuẩn bị bài sau.

Chiều rộng của sân trường là:

$$120 \times \frac{5}{6} = 100 \text{ (m)}$$

Đáp số: 100m.

HS: Đọc yêu cầu, làm vào vở.

- Một em lên bảng chữa bài.

Số HS nữ của lớp 4A là:

$$16 \times \frac{9}{8} = 18 \text{ (HS)}$$

Đáp số: 18 HS.

### Thể dục

Phối hợp chạy, nhảy, mang, vác.

Trò chơi: Chạy tiếp sức ném bóng vào rổ

#### I.Mục tiêu:

- Tập phối hợp chạy, nhảy, mang, vác. Yêu cầu thực hiện động tác ở mức tương đối chính xác.
- Trò chơi: Chạy tiếp sức ném bóng vào rổ. Yêu cầu biết cách chơi và tham gia chơi tương đối chủ động.

#### II.Địa điểm - phương tiện:

Sân trường, còi, bóng

#### III.Các hoạt động dạy - học:

##### 1.Phần đầu:

- GV nhận lớp, phổ biến nội dung yêu cầu giờ học.

- Chạy chậm 1 hàng dọc xung quanh sân tập.

- Tập bài thể dục phát triển chung.

\* Trò chơi: “Chim bay cò bay”.

##### 2.Phần cơ bản: (18 - 20 phút).

a. Bài tập RLTTCB:

- Tập phối hợp chạy, nhảy, vác, mang.

- Tập thử 1 vài lần.

- Tập theo tổ và thi đua giữa các tổ.

- GV quan sát, nhận xét.

##### b.Trò chơi vận động:

- Trò chơi: Chạy tiếp sức ném bóng vào rổ.

- GV nêu tên trò chơi, nhắc lại cách

- Cả lớp nghe GV phổ biến.

ném bóng vào rổ.

- GV hướng dẫn cách chơi, cho HS biết cách chơi.

- GV đi quan sát đến từng tổ và nhắc giữ gìn trật tự.

- Chơi thử rồi chơi chính thức có tính số lần bóng vào rổ.

- Chia các tổ tập theo khu vực.

- Thi giữa các tổ, mỗi tổ 2 em, mỗi em ném 2 lượt xem tổ nào ném được nhiều hơn thì tổ đó thắng.

### 3. Phần kết thúc:

- GV hệ thống bài, nhận xét đánh giá kết quả giờ học.

- Đứng thành vòng tròn, thả lỏng hít thở sâu.

### Buổi chiều:

### Luyện từ và câu

## *Mở rộng vốn từ: dũng cảm*

### I. Mục tiêu:

- Mở rộng, hệ thống hóa vốn từ thuộc chủ điểm dũng cảm.
- Biết sử dụng các từ đã học để tạo thành những cụm từ có nghĩa, hoàn chỉnh câu văn hoặc đoạn văn.

### II. Đồ dùng:

Từ điển Tiếng Việt tiểu học. Bảng phụ viết bài 2.

### III. Các hoạt động dạy - học:

#### A. Kiểm tra bài cũ:

2 HS lên bảng mỗi em đặt 1 câu kể Ai là gì?

#### B. Dạy bài mới:

1. Giới thiệu:

#### 2. Hướng dẫn HS làm bài tập:

+ Bài 1: Chia lớp thành các nhóm.

- Gọi HS phát biểu, mỗi em nói 1 từ.

- Y/c HS đặt câu với các từ tìm được.

+ Bài 2: Y/c HS tự làm bài.

- Treo bảng phụ ghi những từ ngữ cho trước.

- GV nhận xét chốt lời giải đúng:

- Thảo luận, gạch chân dưới những từ cùng nghĩa với từ *dũng cảm*.

- Trả lời tiếp nối.

Các từ cùng nghĩa với *dũng cảm* là: Gan dạ, anh hùng, anh dũng, can đảm, gan góc, gan lì, bạo gan, quả cảm.

- HS thi tiếp sức để hoàn thành bài tập.

Tinh thần dũng cảm.  
Hành động dũng cảm.  
Dũng cảm xông lên  
Người chiến sỹ dũng cảm.  
Nữ du kích dũng cảm.

+ Bài 3: Y/c HS trao đổi, thảo luận và làm bài.

- GV gợi ý: Các em thử chép lần lượt từng từ ngữ ở cột A với lời giải nghĩa ở cột B sao cho tạo ra được nghĩa đúng với mỗi từ.

+ Bài 4: Tổ chức cho HS thi tiếp sức.

-GV cùng cả lớp NX, chốt lời giải đúng:

3. Củng cố, dặn dò:

- Nhận xét giờ học. Về nhà học bài và chuẩn bị bài sau.

Em bé liên lạc dũng cảm.  
Dũng cảm nhận khuyết điểm  
Dũng cảm cứu bạn  
Dũng cảm chống lại cường quyền  
Dũng cảm trước kẻ thù  
Dũng cảm nói lên sự thật.

-Trao đổi theo cặp. 1 em làm bảng.

-NX, chữa bài.

- 2 HS đọc lại nghĩa của các từ sau khi ghép:

\* Gan góc: Kiên cường không lùi bước.

\* Gan lì: Gan đến mức trở ra, không còn biết sợ là gì.

\* Gan dạ: Không sợ nguy hiểm.

-2 dãy thi điền nhanh trên bảng.

-Đại diện đọc đoạn văn.

- Một HS đọc lại đoạn cần điền.

## Luyện toán

### **Luyện tập: Tìm phân số của một số**

#### **I.Mục tiêu:**

- Giúp HS biết cách giải bài toán dạng “Tìm phân số của một số”.

#### **II.Đồ dùng dạy học:**

Vở bài tập toán 4 (Trang 46+47).

#### **III.Các hoạt động dạy học chủ yếu:**

##### **A.Kiểm tra bài cũ:**

2 HS nêu cách tìm phân số của 1 số.

##### **B.Dạy bài mới:**

###### **1.Giới thiệu:**

###### **2.Hướng dẫn luyện tập:**

Bài 1.

-Bài toán cho biết gì?

**-Bài toán hỏi gì?**

-Y/c HS dựa vào cách tìm phân số của 1 số để làm bài.

-HS đọc đề bài.

-Lớp 4B có 28 HS; có 6/7 số HS 10 tuổi.

-Tìm số HS 10 tuổi.

-Lớp làm vở, 1 em làm bảng.

-Nhận xét và chữa bài.

**Bài 2.Y/c HS tự làm bài.**

-Nhận xét và khen ngợi HS.

**Bài 3.Hướng dẫn HS phân tích bài toán.**

-Bài toán cho biết gì?

-Bài y/c ta làm gì?

-Y/c HS tự làm bài.

3.Củng cố , dặn dò:

- Nhận xét giờ học. Y/c HS về làm bài tập và chuẩn bị bài sau.

## Luyện tiếng việt

### *Luyện tập xây dựng đoạn văn miêu tả cây cối.*

#### I.Mục tiêu:

- Dựa trên những hiểu biết về đoạn văn trong bài văn miêu tả cây cối, HS luyện tập viết 1 số đoạn văn hoàn chỉnh. Câu đúng ngữ pháp, dùng từ hay, sinh động, chân thực, giàu hình ảnh.

#### II.Các hoạt động:

**A.Bài cũ:**

**B.Dạy bài mới:**

**1.Giới thiệu:**

**2.Hướng dẫn HS làm bài tập:**

+ Bài 1:

? Từng nội dung ý trên thuộc phần nào trong cấu tạo của bài văn tả cây cối

-NX bài làm của bạn.

Số HS 10 tuổi của lớp 4B là:

$$28 \times \frac{6}{7} = 24 \text{ (HS)}$$

Đáp số: 24 HS

-1 em làm bảng.

-NX bài làm của bạn.

Số HS nam của lớp 4A là:

$$18 \times \frac{8}{9} = 16 \text{ (HS)}$$

Đáp số: 16 HS

-Sân trường có chiều rộng 80m, dài bằng  $\frac{3}{2}$  rộng.

-Tính chiều dài sân trường.

Chiều dài của sân trường là:

$$80 \times \frac{3}{2} = 120 \text{ (m)}$$

Đáp số: 120 m

HS: Đọc dàn ý bài văn miêu tả cây chuối tiêu.

\*Đoạn 1: Giới thiệu cây chuối (mở bài).

\*Đoạn 2, 3: Tả bao quát, tả từng bộ phận của cây chuối tiêu (thân bài).

\*Đoạn 4: Lợi ích của cây chuối tiêu (kết luận).